| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 10**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: **1316**/2026/QĐST-HNGĐ | *Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 7 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
# TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 116 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 876/2026/TLST-VHNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2026 về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1/ Ông **Phạm Bá Q**, sinh năm 1993;

Số CCCD: 06409301####, ngày cấp: 12/8/2021, tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: C, Ấp ##, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà **Lê Hoàng U**, sinh năm 1994.

Số CCCD: 06419401#### ngày cấp 18/8/2022 tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: C, Ấp ##, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại biên bản hoà giải đoàn tụ không thành ngày 29 tháng 6 năm 2026, ông Phạm Bá Q và bà Lê Hoàng U thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ các vấn đề về con chung, tài sản chung và nợ chung.

[2] Xét việc thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Bá Q và bà Lê Hoàng U thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 70, đăng ký ngày 13/12/2021 tại Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố P (nay là Ủy ban nhân dân phường H), tỉnh Gia Lai không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: Quá trình chung sống, ông Phạm Bá Q và bà Lê Hoàng U có 01 con chung là trẻ Phạm Khánh N, giới tính: Nữ, sinh ngày: 08/4/2022. Sau khi ly hôn, ông Phạm Bá Q và bà Lê Hoàng U cùng thống nhất thỏa thuận về con chung như sau: Bà Lê Hoàng U là người trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Phạm Khánh N, sinh ngày: 08/4/2022. Ông Phạm Bá Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng cho đến khi con chung trưởng thành.

Ông Phạm Bá Q và bà Lê Hoàng U thực hiện việc giao và nhận tiền cấp dưỡng nuôi con vào ngày 10 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ ngày 10/7/2026 cho đến khi con chung trưởng thành. Các bên có quyền thỏa thuận phương thức và địa điểm giao nhận tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Trường hợp không thỏa thuận được thì các bên thực hiện giao nhận tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp ông Phạm Bá Q không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con theo thỏa thuận thì bà Lê Hoàng U có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành việc ông Phạm Bá Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Kể từ khi bà Lê Hoàng U có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Phạm Bá Q chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì ông Phạm Bá Q phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Ông Phạm Bá Q và bà Lê Hoàng U cùng xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Ông Phạm Bá Q và bà Lê Hoàng U cùng xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.5. Những vấn đề khác yêu cầu Tòa án công nhận: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Phạm Bá Q và bà Lê Hoàng U phải chịu lệ phí việc hôn nhân gia đình là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà ông Phạm Bá Q và bà Lê Hoàng U đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/26E/0027216 ngày 04 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Phạm Bá Q và bà Lê Hoàng U đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 36 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND KV10-TP.HCM;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.




**THẨM PHÁN**

**Trần Thị Thanh Huyền**